

XÂY DỰNG VÀ SỬ DỤNG HỒ SƠ ĐIỆN TỬ PHỤC VỤ DẠY HỌC ĐỊA LÍ 11 - TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

LÊ VĂN NHUNG*

TÓM TẮT

Trong bài viết này, chúng tôi muốn khẳng định vai trò quan trọng của Hồ sơ điện tử (HSĐT) đối với dạy học Địa lí ở bậc trung học phổ thông (THPT). Chúng tôi đã xây dựng Hồ sơ điện tử dạy học Địa lí 11 theo quy trình các bước và sử dụng hồ sơ này để tiến hành các hoạt động dạy học ở trường THPT. Kết quả cho thấy cả giáo viên (GV) lẫn học sinh (HS) đều tỏ ra hứng thú hơn với các tiết học Địa lí, từ đó giúp nâng cao hiệu quả giảng dạy môn học Địa lí.

Từ khóa: dữ liệu số hóa, tài liệu điện tử, hồ sơ điện tử, dạy học tích cực, chủ đề dạy học.

ABSTRACT

Establishing and using electronic portfolio for teaching Geography Grade 11 in secondary high schools

In this article, we affirm the important role of electronic portfolio for teaching Geography. Based on editing process, I established the electronic portfolio for teaching Geography Grade 11 according with the process and used it to teach in secondary high schools. The results show that both teachers and students are more interested in Geography lessons; thereby, it helps to improve the quality of Geography teaching.

Keywords: digitization data, electronic material, electronic portfolio, active teaching, teaching topic.

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, “*Hồ sơ điện tử*” là một thuật ngữ rất phổ biến trong dạy học (DH) ở các quốc gia có nền giáo dục phát triển như Hoa Kỳ, Canada, Úc,... Từ thập niên 90 của thế kỉ XX, TS. Helen Barrett của Đại học Alaska Anchorage – Hoa Kỳ đã có những nghiên cứu bước đầu về HSĐT và đã khẳng định vai trò quan trọng của nó đối với hoạt động giáo dục nói chung và DH nói riêng. Đến đầu thế kỉ XXI, một số tác giả khác như TS. Natalie Bordelon Milman (Đại học The George Washington), TS. Clare Kilbane

(Đại học Virginia), TS. George Lorenzo và TS. John Ittelson George (Đại học California State),... đã tiếp tục sử dụng công trình nghiên cứu của TS. Helen Barrett (có sửa chữa bổ sung cho phù hợp với thực tiễn địa phương) để tiến hành các hoạt động thực nghiệm. Trên cơ sở kết quả thực nghiệm, các tác giả trên đã khẳng định một lần nữa tầm ảnh hưởng lớn lao của HSĐT trong DH và xem việc xây dựng HSĐT phục vụ DH là một xu thế tất yếu của giáo dục hiện đại.

Ở Việt Nam, dữ liệu số hóa cũng đã được đưa vào sử dụng trong DH ở tất các các cấp học, bậc học từ năm 2005, tuy chỉ sử dụng ở dạng thử nghiệm nhưng

* ThS, Trường Đại học Cần Thơ

hiệu quả DH mang lại là rất to lớn. Trong DH Địa lí, đặc biệt là ở bậc THPT, dữ liệu số đã trở thành “công cụ” đắc lực, không thể thiếu đối với GV. Do đặc thù chuyên ngành, DH địa lí ở bậc THPT đòi hỏi phải sử dụng rất nhiều bản đồ, hình ảnh, âm thanh, phim,... nên giải pháp “dữ liệu số” là giải pháp khả thi nhất và mang lại hiệu quả cao nhất. Mặc dù vai trò quan trọng của dữ liệu số đối với DH đã được khẳng định nhưng đến nay việc chọn lọc và tổ chức dữ liệu số một cách khoa học vẫn chưa được nhiều người quan tâm nghiên cứu. Từ kết quả khảo sát nhu cầu xây dựng hồ sơ DH điện tử ở một số trường THPT, tác giả đề xuất cách chọn lọc và tổ chức các dữ liệu số theo hướng tốt nhất để tạo ra một HSĐT phục vụ DH Địa lí 11. Bên cạnh đó, để sử dụng có hiệu quả hồ sơ này, tác giả cũng đưa ra các gợi ý về phương pháp DH và cách đánh giá cụ thể cho từng bài học. Trên cơ sở bài viết này, GV có thể tự xây dựng những HSĐT khác bằng nguồn “tài nguyên số” của mình.

2. Một số vấn đề chung về hồ sơ điện tử

2.1. Khái niệm Tài liệu điện tử

Tài liệu điện tử là các tập tin số được tạo ra trên máy tính và các thiết bị tương đương, các tài liệu này được lưu trữ trực tiếp trên máy tính hoặc các thiết bị lưu trữ khác như: đĩa CD, đĩa DVD, USB, thẻ nhớ, mạng Internet, e-mail...

Tài liệu điện tử rất đa dạng và phong phú về kích cỡ, ngôn ngữ và định dạng. Các định dạng thường gặp là:

- Văn bản với các định dạng *.doc, *.docx, *.xls, *.xlsx, *.pdf,..

- Ảnh với các định dạng *.jpg, *.jpeg, *.gif, *.bitmap, *.png,...
- Phim, âm thanh với các định dạng *.mp3, *.mp4, *.avi, *.flv,..
- Web với các định dạng *.html, *.php...

Ngoài các định dạng trên, các tập tin số còn có các định dạng khác, phụ thuộc vào phần mềm được sử dụng để tạo ra tập tin đó.

2.2. Khái niệm Hồ sơ điện tử và Hồ sơ dạy học điện tử

Hồ sơ điện tử là một tập hợp tài liệu điện tử phản ánh toàn diện về một vấn đề, một sự vật, hiện tượng hoặc một nhân vật, một sự kiện,... được hình thành qua quá trình chọn lọc và tổ chức dữ liệu theo một phương pháp nhất định. [7]

Hồ sơ DH điện tử là một tập hợp tài liệu điện tử phục vụ trực tiếp hoặc gián tiếp cho công tác giảng dạy và học tập một hoặc nhiều môn học ở một trình độ nhất định.

Trong dạy học, HSĐT có thể chia làm 3 loại:

- Hồ sơ quản lí: quản lí nhân sự, quản lí tiền lương, quản lí các hoạt động của nhà trường,...
- Hồ sơ GV: giáo án, bảng điểm, phim ảnh DH,...
- Hồ sơ HS: các bài học, bài tập, hình ảnh, thông tin tham khảo,...

2.3. Vai trò của hồ sơ điện tử trong dạy học

Các nghiên cứu lí thuyết của TS. Helen Barrett [6],[8] và những phân tích từ thực tiễn của tác giả cho thấy HSĐT có những lợi ích như sau:

- Cho phép lưu trữ dữ liệu không gian tối thiểu: Do tài liệu trong HSĐT dạy học được chọn lọc, sắp xếp rất cẩn thận và khoa học nên dung lượng thừa được hạn chế đến mức thấp nhất. Chính điều này làm cho dung lượng lưu trữ trên máy tính của hồ sơ điện tử phục vụ dạy học được tiết kiệm đến mức tối thiểu.

- Dễ dàng tạo ra các tập tin và truy cập dữ liệu từ tập tin đó.

- Tính di động rất cao: Một HSĐT dạy học được hoàn thiện và lưu trữ dưới dạng web hoặc trên các thiết bị máy tính có thể được sử dụng rộng rãi khắp thế giới thông qua hình thức tổ chức dạy học trực tuyến.

- Hạn sử dụng lâu dài: Mặc dù phải tốn rất nhiều thời gian để xây dựng một HSĐT có chất lượng nhưng một khi đã hoàn thành, người dùng có thể sử dụng trong thời gian rất dài, thậm chí là suốt cuộc đời của họ. Cần lưu ý rằng, các thông tin trong HSĐT cần phải được cập nhật thường xuyên.

- Lấy người học làm trung tâm: Khi người học sử dụng HSĐT, việc lựa chọn phương pháp học, cách thức học và nội dung học phụ thuộc hoàn toàn vào họ. Vì vậy, người học phải tích cực hơn, chủ động hơn trong quá trình lĩnh hội kiến thức.

- Tăng kỹ năng sử dụng công nghệ cho GV và HS.

- Thông qua các liên kết siêu văn bản, tính logic của vấn đề cao hơn (Một vấn đề có thể trình bày dưới nhiều dạng khác nhau nhưng sự mạch lạc, tính logic phải được đặt lên hàng đầu. Các liên kết sẽ cho phép người sử dụng nhìn nhận vấn đề từ cấp độ bao quát nhất đến cấp độ chi

tiết nhất, từ đó giải quyết thỏa mãn các vấn đề được đặt ra).

- Khả năng tiếp cận vấn đề dễ dàng hơn (đặc biệt là HSĐT dưới dạng web).

Bên cạnh những lợi ích trên, HSĐT còn có khả năng hỗ trợ tổ chức các hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá rất hiệu quả.

2.4. Lập kế hoạch xây dựng Hồ sơ điện tử dạy học

Quá trình tạo ra hồ sơ điện tử dạy học bao gồm các giai đoạn sau đây: [6],[9]

- Xác định mục tiêu của việc xây dựng hồ sơ;

- Xác định các công cụ và kỹ năng cần thiết cho việc tạo ra một hồ sơ điện tử;

- Xác định đối tượng sử dụng hồ sơ;

- Xác định cấu trúc của hồ sơ điện tử.

Sau khi xác định được cấu trúc của hồ sơ điện tử, người thực hiện có thể bắt đầu công việc xây dựng:

- Chọn các thao tác cần thực hiện;

- Tạo ra nội dung hồ sơ theo ý đồ tác giả;

- Kết hợp các nội dung thành bộ hồ sơ gắn kết và có ý nghĩa.

3. Xây dựng Hồ sơ điện tử dạy học Địa lí 11

3.1. Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình xây dựng Hồ sơ điện tử phục vụ dạy học

Kết quả khảo sát bằng phiếu, phỏng vấn trực tiếp GV, HS và lãnh đạo các trường THPT về những vấn đề có liên quan đến tình hình ứng dụng CNTT trong DH cho thấy một số một số thuận lợi và khó khăn sau:

** Thuận lợi*

- *Đối với GV:* Đa số GV có thể sử dụng tốt máy tính và các phần mềm cơ bản phục vụ DH; họ thường xuyên sử dụng Internet và email để tra cứu và lưu trữ các tài liệu số; hầu hết đều nhận thức việc xây dựng HSĐT phục vụ cho công tác chuyên môn là rất cần thiết cho nên họ rất nhiệt tình tham gia góp ý kiến và tiến hành các hoạt động thực nghiệm. Bên cạnh đó, GV còn cho biết việc sử dụng HSĐT trong dạy học không chỉ giúp họ tiết kiệm được thời gian chuẩn bị bài mà còn phát huy được tính tích cực của HS.

- *Đối với HS:* Các em tỏ ra hứng thú và hoạt động tích cực hơn khi GV giảng dạy trên cơ sở những tư liệu của hồ sơ điện tử. Đa số HS tiếp thu nhanh và rất nhạy bén với CNTT nên có thể dễ dàng tổ chức các hoạt động dạy học trực tuyến.

- *Đối với lãnh đạo:* Lãnh đạo rất quan tâm đến những nghiên cứu có tính ứng dụng ngay tại trường của họ, tăng cường ứng dụng CNTT trong DH, đổi mới phương pháp DH theo hướng tích cực đây là chỉ đạo xuyên suốt của lãnh đạo các trường THPT. Việc đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ dạy học cũng rất được quan tâm và tiến hành thường xuyên.

** Khó khăn*

- *Đối với GV:* Một số GV không mặn mà với việc ứng dụng CNTT trong dạy học hoặc có nhiều GV vững chuyên môn nhưng lại hạn chế về kỹ thuật tin học cho nên việc ứng dụng CNTT vào bài giảng chưa cao.

- *Đối với HS:* HS ở một số trường vùng sâu còn rất thụ động, ít nhạy bén với CNTT.

- *Đối với nhà trường:* Cơ sở vật chất rất phục vụ dạy học với CNTT ở một số nơi còn hạn chế; Lãnh đạo nhà trường chưa có nhiều hoạt động hỗ trợ cho GV, đặc biệt là việc tập huấn về mặt kỹ thuật tin học.

Từ những phân tích trên có thể khẳng định việc xây dựng HSĐT trong DH nói chung và DH địa lí nói riêng là rất cần thiết.

3.2. Xây dựng hồ sơ**3.2.1. Mục tiêu xây dựng hồ sơ điện tử dạy học Địa lí 11**

- Hỗ trợ GV tạo ra bộ giáo án theo chuẩn kiến thức, kỹ năng. Trong đó, các hoạt động dạy học sẽ được gợi ý rất chi tiết.

- Xây dựng các giáo án điện tử bằng MS. PowerPoint (có thể chỉnh sửa), giúp GV tiết kiệm thời gian thiết kế và chọn lọc hình ảnh.

- Hỗ trợ xây dựng bộ câu hỏi kiểm tra, đánh giá bằng phần mềm Violet theo chuẩn SCORM.

- Xây dựng các tài liệu tham khảo phù hợp và đáng tin cậy cho từng bài học hoặc từng mảng kiến thức nhằm hạn chế việc tham khảo tài liệu thiếu tính khoa học.

- Hỗ trợ SV và HS chủ động học tập thông qua những nội dung bài học.

Từ những mục trên, tác giả muốn hướng đến mục tiêu lớn hơn là đổi mới phương pháp DH trong DH Địa lí 11 theo hướng tích cực.

3.2.2. Xây dựng kịch bản

Mỗi HSĐT phục vụ DH phải được tổ chức một cách khoa học để người sử

dụng dễ dàng tra cứu, tìm tài liệu. Muốn thế, “Kịch bản” xây dựng hồ sơ phải được vạch ra chi tiết từ khi bắt đầu và được điều chỉnh qua từng giai đoạn. Ở giai đoạn hoàn thiện, người xây dựng sẽ so sánh kết quả với kịch bản ban đầu để rút kinh nghiệm, giúp giảm bớt thời gian xây dựng cho những hồ sơ kế tiếp.

“Kịch bản” xây dựng HSĐT DH Địa lí 11, được chúng tôi phác thảo theo trình tự 5 bước như sau:

- *Bước 1:* Lựa chọn cách phân loại tài liệu cho hồ sơ.
- *Bước 2:* Tiến hành số hóa các dữ liệu từ sách, báo, tạp chí,...
- *Bước 3:* Lựa chọn công cụ xây dựng hồ sơ
- *Bước 4:* Xây dựng các chủ đề DH theo những cách phân loại trên và gọi ý

phương pháp DH, phương pháp đánh giá cho từng chủ đề.

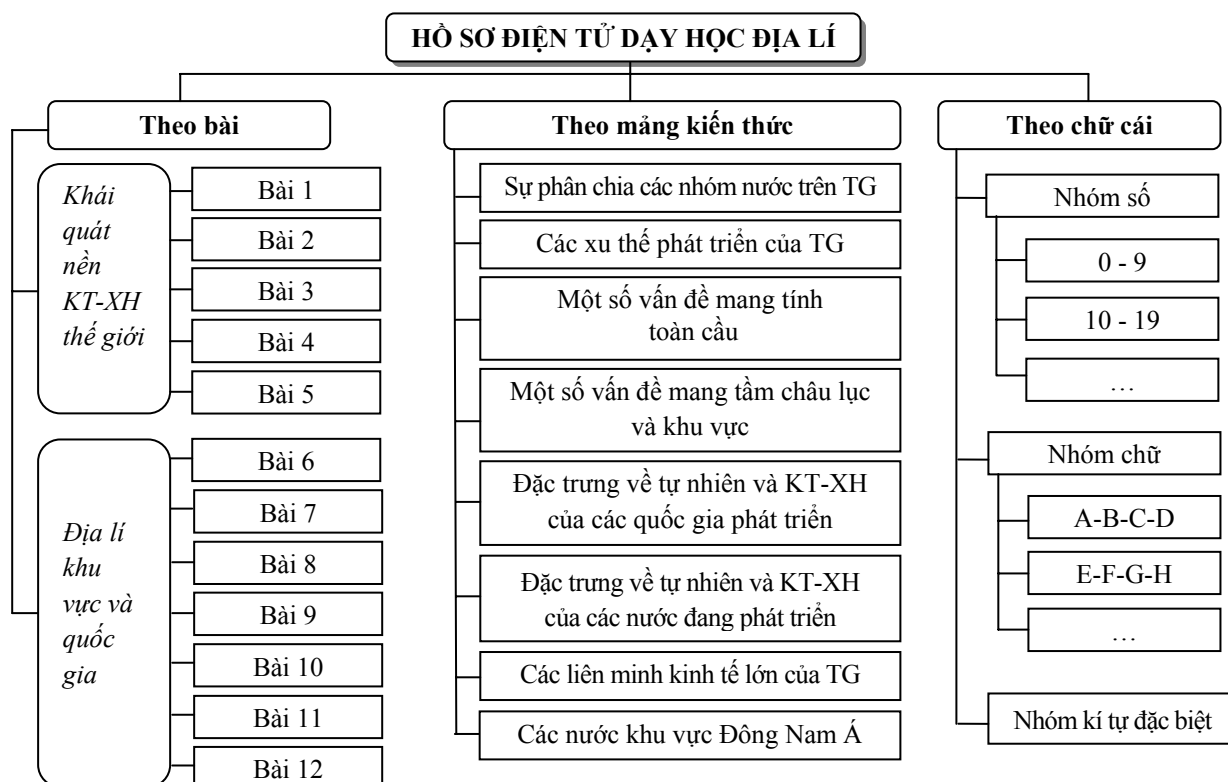
- *Bước 5:* Hoàn tất việc xây hồ sơ dựa trên những công cụ và dữ liệu số đã được chọn.

Những bước trên được thể hiện cụ thể qua mục 3.2.3 bên dưới.

3.2.3. Tiến trình xây dựng hồ sơ

a. Phân loại tài liệu

Chương trình Địa lí 11 (ban cơ bản) [3] gồm 2 phần với 12 bài học, mỗi bài phân phối từ 3 đến 4 tiết. Nội dung các bài học tập trung giới thiệu những đặc điểm nổi bật của nền kinh tế - xã hội thế giới; các vấn đề về tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế ở một số quốc gia. Do đó, để thuận lợi cho việc tra cứu, tìm kiếm và sử dụng dữ liệu của HSĐT dạy học Địa lí 11, chúng tôi tổ chức dữ liệu dựa trên 3 cách phân loại như sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ phân loại dữ liệu cho HSĐT DH Địa lí 11

Sơ đồ trên thể hiện:

- Với cách phân loại theo bài học, tất cả dữ liệu có liên quan đến 1 bài học như giáo án, bài thuyết minh điện tử, hình ảnh, phim DH, các tài liệu tham khảo,... sẽ được sắp xếp vào một nhóm. Phương pháp DH và kiểm tra – đánh giá cũng được bố trí kèm theo mỗi bài.

- Với cách phân loại theo mảng kiến thức, GV sẽ sắp xếp các kiến thức cùng một mảng vào cùng nhóm. Cách sắp xếp này tốn nhiều thời gian nhưng nó sẽ giúp GV nắm bắt được mối liên hệ có trật tự về mặt kiến thức giữa các bài học trong sách giáo khoa.

- Với cách phân loại theo kí tự, GV sẽ tạo ra cơ sở dữ liệu và viết các thuật toán tìm kiếm cho nó – công đoạn này tương đối khó và mất nhiều thời gian. Tuy nhiên, các phân loại này lại giúp GV dễ dàng tra cứu một từ khóa hoặc một hình ảnh, một đoạn phim... mà họ cần tìm.

Ngoài các phân loại trên, GV có thể chọn cách phân loại theo “loại kiến thức”, chẳng hạn: kiến thức cơ bản (theo chuẩn kiến thức), kiến thức tham khảo, kiến thức về phương pháp và phương tiện DH,...

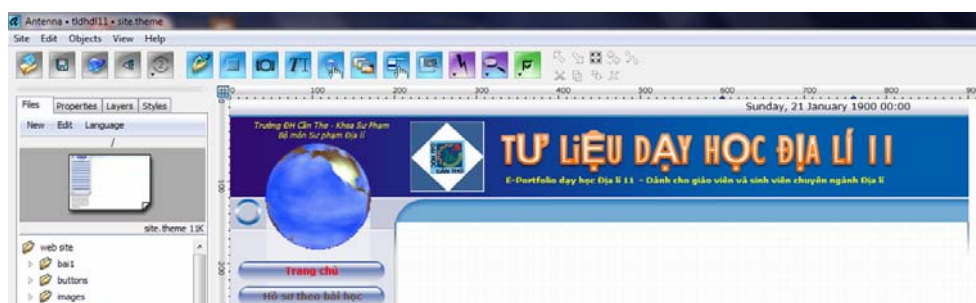
b. Số hóa dữ liệu

Bên cạnh những dữ liệu đã số hóa được thu thập từ Internet thì việc chuyển các tài liệu trên giấy thành những file lưu trên máy tính là một khâu rất quan trọng trong việc xây dựng HSĐT. Phương pháp tốt nhất để biến các tài liệu giấy thành tài liệu số là scan chúng ở định dạng pdf hoặc định dạng ảnh. Đối với những tập tin bằng tiếng Anh cần lưu với định dạng text, người dùng có thể sử dụng phần mềm FreeOCR để quét các tài liệu giấy và chuyển tập tin ở định dạng ảnh sang định dạng text.

c. Lựa chọn công cụ xây dựng hồ sơ

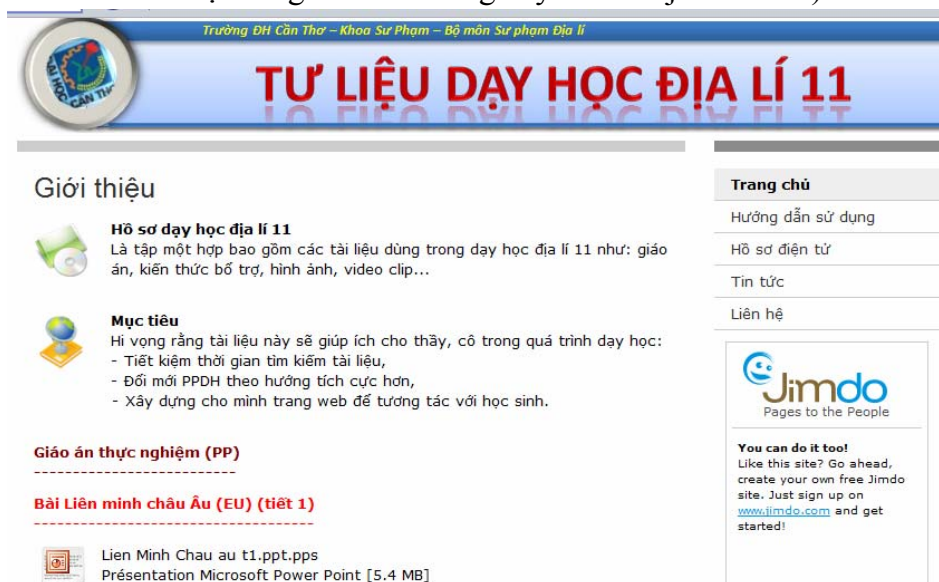
Tài liệu trong một HSĐT thường được tổ chức, liên kết với nhau bằng các *siêu liên kết* (Hyperlink) và trình duyệt với giao diện web. Vì vậy, công cụ sử dụng để xây dựng hồ sơ phải tạo ra được các file liên kết, chạy được trên trình duyệt web và đảm bảo 4 tiêu chí: dễ sử dụng, có giao diện thân thiện, hỗ trợ hầu hết các định dạng multimedia và cập nhật đơn giản. Xác định rõ ràng các tiêu chí trên, chúng tôi lựa chọn 2 nhóm công cụ:

- Nhóm công cụ xây dựng Hồ sơ ở dạng Offline: phần mềm thiết kế web Antenna 3.5 và MS. Fronpage 2003.



Hình 3.1. Giao diện của công cụ Antenna 3.5 (Nguồn: Tác giả)

- Công cụ xây dựng hồ sơ ở dạng Online: trang web miễn phí Jimdo.com. (người đọc có thể tham khảo nội dung Hồ sơ ở trang dayhocdiali.jimdo.com)



Hình 3.2. Giao diện của trang web dayhocdiali.jimdo.com (Nguồn: Tác giả)

d. Xây dựng các chủ đề DH

Các chủ đề xây dựng trong HSĐT phục vụ DH phải gắn liền với nội dung sách giáo khoa và đảm bảo chính xác về mặt khoa học.

Các chủ đề DH được chúng tôi xây dựng thành 2 nhóm:

- DH theo chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Địa lí (phần này GV có thể tham khảo thêm quyển “DH theo chuẩn kiến thức kiến thức, kỹ năng của nhóm tác giả sách giáo khoa). [2]

- Những kiến thức mở rộng có liên quan đến từng nội dung trong sách giáo khoa Địa lí 11[1], cụ thể như sau:

- + Một số tổ chức và sự phân chia các nhóm quốc gia trên thế giới.
- + Toàn cầu hóa, khu vực hóa – Cơ hội và thách thức

- + Các vấn đề về châu Phi, Mĩ Latinh, Tây Á và Trung Á: tự nhiên, kinh tế, văn hóa và xã hội

- + Những thành tựu và tồn tại của nền kinh tế Hoa Kỳ.

- + Những câu chuyện về nước Đức, Pháp.

- + Bức tranh toàn cảnh về nước Nga.
- + Tìm hiểu về tên gọi và văn hóa Nhật Bản.

- + Con đường chinh phục thế giới của người Trung Quốc – Nền văn minh Trung Quốc.

- + Ấn Độ - Tiểu lục địa huyền bí
- + Đông Nam Á – Khu vực phát triển kinh tế năng động
- + Phong cách Úc
- + Số liệu thống kê

Một số vấn đề cần lưu ý khi xây dựng các chủ đề DH:

- Bám sát vào nội dung các bài học trong sách giáo khoa, xác định rõ ràng mảng kiến thức nào cần khắc sâu và mảng kiến thức nào cần mở rộng;

- Sau khi đã xác định rõ ràng các mảng kiến thức mở rộng, cần xây dựng nội dung hết sức ngắn gọn và súc tích;

- Nên sử dụng hình ảnh, âm thanh hoặc video kèm theo trong từng mảng kiến thức nhằm tăng hiệu quả DH;

- Hướng dẫn sử dụng và gợi ý phương pháp giảng dạy phù hợp cho các mảng kiến thức đó.

e. Phương pháp DH

Một số phương pháp DH tích cực được chúng tôi gợi ý và khuyến khích GV sử dụng trong DH địa lí 11 như: Thảo luận cặp hoặc nhóm, đàm thoại gợi mở, giải quyết vấn đề, DH tình huống và sử dụng phương tiện trực quan. Một số lưu ý khi sử dụng các phương pháp trên:

- Sử dụng phối hợp các phương pháp để tăng hiệu quả DH, tạo sự hứng thú cho HS. Chẳng hạn, sử dụng phương pháp làm việc nhóm kết hợp với các phương tiện DH và phương pháp nêu vấn đề; hoặc kết hợp giữa DH tình huống với các

phương tiện trực quan và làm việc nhóm,...

- Xem xét cẩn thận nội dung để lựa chọn phương pháp phù hợp.

- Đối với các bài thực hành rèn luyện kỹ năng biểu đồ, GV nên hạn chế sử dụng phương pháp làm việc nhóm.

Ví dụ: Ở bài 7 – Liên minh châu Âu (EU) – tiết 1, chúng tôi sử dụng kết hợp đàm thoại gợi mở, thảo luận nhóm, sử dụng phương tiện và giảng giải thông qua 3 hoạt động sau [2]:

- *Hoạt động 1 (cả lớp):* Tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU).

- *Hoạt động 2 (cá nhân):* Tìm hiểu mục đích và thể chế của Liên minh châu Âu

- *Hoạt động 3 (Nhóm):* Tìm hiểu vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới.

f. Kiểm tra đánh giá

Ở nhà trường phổ thông, công tác kiểm tra đánh giá đòi hỏi thực hiện liên tục và được sắp xếp như sau:

Bảng 3.1. Tần suất kiểm tra – đánh giá HS trong 1 học kỳ ở trường THPT

| Loại hình kiểm tra | Miệng | 15 phút | 1 tiết | Giữa kỳ | Cuối kỳ |
|---------------------------------|-------|---------|--------|---------|---------|
| Số lần thực hiện trong 1 học kỳ | ≥1 | ≥2 | 1 | ≤1 | 1 |

(Nguồn: Tác giả)

- Đối với phần kiểm tra miệng, chúng tôi xây hệ thống câu hỏi có mức độ khó từ thấp đến cao, kiến thức kiểm tra nâng dần từ sách giáo khoa đến kiến thức mở rộng cho từng bài học. GV có thể lựa chọn và sử dụng câu hỏi hoặc hệ thống

câu hỏi để kiểm tra – đánh giá HS ở các mức độ học lực khác nhau.

- Đối với phần kiểm tra viết (các phần kiểm tra còn lại), chúng tôi thiết kế nó dựa trên ma trận kiến thức và áp dụng các mức đánh giá theo thang đánh giá của Bloom[4], cụ thể như sau:

Bảng 3.2.a. Ma trận đề kiểm tra – đánh giá theo thang đánh giá của Bloom

| Mức độ Câu hỏi | Biết | Hiểu | Vận dụng | Phân tích | Tổng hợp | Đánh giá | Tổng |
|-------------------|------------|------|----------|------------|----------|----------|---------|
| Mảng 1 | | | | | | | Số điểm |
| Mảng 2 | Khoảng 50% | | | Khoảng 35% | | 15% | Số điểm |
| | | | | | | | Số điểm |
| Tổng | 2,5 | 1,5 | 1,0 | 2,0 | 1,5 | 1,5 | 10 |

(Nguồn: Tác giả)

Thang đánh giá trên có thể thay đổi cho phù hợp với đối tượng HS, chẳng hạn đối với những lớp chủ yếu là HS trung bình và có một số HS khá, người sử dụng có thể chọn ma trận đề dưới đây:

Bảng 3.2.b. Ma trận đề kiểm tra phù hợp cho lớp học có nhiều HS trung bình

| Chủ đề (nội dung) | Mức độ nhận thức | Điểm | | | |
|--|------------------|------------|------------|------------|-------------|
| | | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Tổng |
| 1. Một số vấn đề mang tính toàn cầu. - Trình bày hiện trạng và hậu quả của biến đổi khí hậu toàn cầu và suy giảm tầng ôzôn - Giải thích nguyên nhân làm biến đổi khí hậu toàn cầu và suy giảm tầng ôzôn | | 2.0 | | | 3.0 |
| | | | 1.0 | | |
| 2. Một số vấn đề của châu Phi Vẽ biểu đồ và nhận xét tỉ lệ dân số Châu Phi so với các châu lục khác | | | | 3.0 | 3.0 |
| 3. Một số vấn đề của Mĩ Latin - Trình bày thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế của các nước Mĩ Latin. - Giải thích nguyên nhân làm cho nền kinh tế các nước Mĩ Latin chậm phát triển | | 2.0 | | | 4.0 |
| | | | 2.0 | | |
| Tổng điểm | | 4.0 | 3.0 | 3.0 | 10.0 |

(Nguồn: Tác giả)

Tóm lại, để hoàn thiện một hồ sơ DH điện tử phải trải qua rất nhiều công đoạn, trong đó công đoạn quan trọng nhất là xây dựng các chủ đề DH và đề xuất phương pháp phù hợp cho từng bài học. Nếu xử lý tốt 2 công đoạn này GV sẽ có được một hồ sơ DH có chất lượng, vừa

đảm bảo tính khoa học vừa đảm bảo tính giáo dục.

g. Hướng dẫn sử dụng hồ sơ

Mỗi HSĐT được xây dựng theo một ý đồ riêng của tác giả, vì vậy cần có những hướng dẫn cụ thể để người dùng biết cách sử dụng, làm tăng hiệu quả sử

dụng của HSĐT. Khi xây dựng mục “Hướng dẫn sử dụng” chúng tôi chú ý đến 3 yêu cầu (3 đúng) trong quá trình sử dụng: đúng cách, đúng đối tượng và đúng mục đích. Để đảm bảo các yêu cầu này, nội dung hướng dẫn phải được xây dựng rất chi tiết, những điểm quan trọng cần được nhấn mạnh, những chỗ quá phức tạp sẽ có các đoạn video hướng dẫn.

4. Kết luận

Qua quá trình thực nghiệm giảng dạy với các tư liệu trong Hồ sơ điện tử dạy học Địa lí 11 và khảo sát ý kiến của GV, HS và lãnh đạo các trường THPT, có thể khẳng định việc ứng dụng HSĐT trong DH đã mang lại những hiệu quả bước đầu. Nó không chỉ giúp GV giảm bớt thời

gian chuẩn bị các bài giảng mà còn giúp họ nâng cao hiệu quả DH. Tuy nhiên, việc xây dựng một HSĐT lại tốn rất nhiều thời gian, công sức của GV; Bên cạnh đó nó còn đòi hỏi GV phải am hiểu một lượng kiến thức tin học nhất định, điều này tạo tâm lí e ngại và là rào cản rất lớn cho việc phổ biến rộng rãi nội dung nghiên cứu ở trường phổ thông. Trong thời gian sắp tới, các trường phổ thông cần tăng cường các lớp tập huấn, hỗ trợ kĩ thuật tin học cho GV. Từ những kĩ năng được trang bị, GV có thể dễ dàng xây dựng cho mình các hồ sơ DH điện tử - có thể không được như ý ở giai đoạn đầu nhưng sẽ dần hoàn thiện hơn ở các giai đoạn sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Thị Sen, Nguyễn Thị Kim Liên, Nguyễn Kim Hồng, Phạm Thị Bình (2007), *Tư liệu dạy và học Địa lí 11*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
2. Lê Thông (chủ biên) (2010), *DH theo chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Địa lí*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
3. Lê Thông (chủ biên) (2010), *SGK Địa lí 11 (cơ bản và nâng cao)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Bloom B.S. (1956). *Taxonomy of Educational Objectives*, Handbook I: The Cognitive Domain. New York: David McKay Co Inc.
5. George Lorenzo and John Ittelson (2005), *An overview of E-Portfolio*, EDUCAUSE Learning Initiative, USA.
6. Helen Barrett (2000), *The Electronic Portfolio Development Process*, Published by The American Association for Higher Education (AAHE), USA.
7. Helen Barrett (1999), *Using technology to support alterative assessment and electronic portfolio*, University of Alaska Anchorage, USA.
8. Helen Barrett (2004), *Differentiating Electronic Portfolios and Online Assessment Management Systems*, University of Alaska Anchorage, USA.
9. Natalie B. Milman and Clare R. Kilbane (2005), *Digital teaching portfolios: Catalysts for fostering authentic professional development*, Canadian Journal of Learning and Technology, Canada.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 11-11-2011; ngày chấp nhận đăng: 24-4-2012)